BỘ NGOẠI GIAO

BỘ NGOẠI GIAO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 16/2012/TB-LPQT	*Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2012*

THÔNG BÁO
Về việc điều ước quốc tế có hiệu lực

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 47 của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa U-dơ-bê-ki-xtan về hợp tác trong lĩnh vực kiểm dịch thực vật, ký tại Ta-sơ-ken ngày 03 tháng 10 năm 2011, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2012.

Bộ ngoại giao trân trọng gửi Bản sao Hiệp định theo quy định tại Điều 68 của Luật nêu trên./.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG
PHÓ VỤ TRƯỞNG
VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Lê Thị Tuyết Mai

HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA U-DƠ-BÊ-KI-XTAN

VỀ

HỢP TÁC TRONG LĨNH VỰC KIỂM DỊCH THỰC VẬT

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa U-dơ-bê-ki-xtan (sau đây gọi tắt là các Bên);

Với mục đích tăng cường hợp tác trong lĩnh vực kiểm dịch thực vật và nâng cao công tác bảo vệ thực vật của cả hai Bên, ngăn chặn sự lây lan của dịch hại kiểm dịch thực vật vào lãnh thổ quốc gia của các Bên, tránh thiệt hại do dịch hại kiểm dịch thực vật gây ra;

Sẵn sàng thúc đẩy mậu dịch và trao đổi giữa hai nước hạt giống, vật liệu làm giống và các sản phẩm khác thuộc diện kiểm dịch thực vật;

Đã thỏa thuận các nội dung sau:

Điều 1

ĐỊNH NGHĨA

Nhằm mục đích của Hiệp định này, các thuật ngữ sau đây được sử dụng:

- "dịch hại KDTV" – dịch hại, tác nhân gây hại (sinh học) và cỏ dại, theo các Danh mục nêu trong Phụ lục 1 và Phụ lục 2;
- "thiên địch" – sinh vật ăn côn trùng;
- "bẫy bả" – các chất do côn trùng tiết ra để hấp dẫn cá thể trong loài;
- "chế phẩm sinh học" – chế phẩm có vi sinh vật gây bệnh ở dạng tiềm tàng để phòng chống côn trùng có hại;
- "vật thể thuộc diện KDTV" – vật liệu giúp các sinh vật thuộc diện kiểm dịch lây lan (gồm hạt giống, vật liệu làm giống, cây và các bộ phận của cây,

các sản phẩm khác có nguồn gốc thực vật), được nhập/xuất khẩu hoặc đang quá cảnh qua lãnh thổ các Bên.

Điều 2

TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC

Để phát triển hợp tác trong lĩnh vực kiểm dịch thực vật, các Bên phải:

- tiến hành các biện pháp cần thiết để ngăn chặn các dịch hại kiểm dịch thực vật lây lan từ lãnh thổ Bên này sang lãnh thổ của Bên kia trong quá trình các vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu và quá cảnh;

- thường xuyên trao đổi thông tin bằng văn bản về sự xuất hiện, lây lan của dịch hại kiểm dịch thực vật trong lãnh thổ của các Bên cũng như trao đổi thiên địch, bẫy bả, tác nhân sinh học và các chất khác để giảm sinh vật thuộc diện kiểm dịch;

- thông báo các điều khoản sửa đổi và bổ sung đối với các quy tắc kiểm dịch thực vật điều chỉnh việc xuất khẩu, nhập khẩu và quá cảnh các vật liệu thuộc diện kiểm dịch;

- hỗ trợ khoa học, kỹ thuật và tư vấn về thực hiện các biện pháp phát hiện, khoanh vùng và xử lý các dịch hại kiểm dịch thực vật;

- phân tích vấn đề và nghiên cứu thành tựu trong lĩnh vực kiểm dịch thực vật, giải quyết hiệu quả các vấn đề liên quan đến kiểm dịch thực vật tại các điểm biên giới;

- tổ chức cho chuyên gia hai bên phối hợp kiểm tra tại nước xuất khẩu đối với các vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật;

- trong trường hợp khẩn cấp trong lĩnh vực kiểm dịch thực vật, khi một Bên yêu cầu, phải gửi đoàn chuyên gia thực hiện các biện pháp khẩn cấp chung.

Điều 3

KIỂM DỊCH THỰC VẬT

Bất kỳ vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nào được vận chuyển từ Bên này sang Bên kia phải tuân thủ các quy định sau:

1. Vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật được vận chuyển từ Bên này sang Bên kia phải tuân thủ các quy định về kiểm dịch thực vật của Bên kia.

2. Vật thể thuộc diện kiểm dịch phải được thực hiện kiểm dịch chặt chẽ trước khi xuất khẩu.

3. Trong trường hợp phát hiện vật thể bị nhiễm dịch hại kiểm dịch thực vật của nước nhập khẩu, mỗi Bên có quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ thực vật, sản phẩm thực vật trong lãnh thổ nước mình theo pháp luật hiện hành của mỗi Bên.

4. Cấm sử dụng rơm, lá và các vật liệu thực vật khác có khả năng mang các loại dịch hại làm vật liệu bao gói hoặc chèn lót, ngoại trừ giấy và các vật liệu tổng hợp.

5. Phương tiện vận chuyển, bao gói và vật liệu chèn lót phải được làm sạch hoặc xử lý khử trùng trước khi xuất khẩu.

Vật liệu bao gói, chèn lót bằng gỗ phải được xử lý theo quy định tại Tiêu chuẩn quốc tế số 15 về các biện pháp kiểm dịch thực vật (ISPM 15)

6. Trong trường hợp cần thiết, các Bên sẽ phối hợp cùng nhau để thực hiện kiểm dịch thực vật tại lãnh thổ nước xuất khẩu.

Điều 4

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT

Mỗi lô hàng thuộc diện kiểm dịch được vận chuyển từ lãnh thổ Bên này sang (hoặc qua) lãnh thổ Bên kia phải có chứng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan kiểm soát kiểm dịch thực vật của Bên xuất khẩu cấp và chứng nhận vật thể này đạt yêu cầu kiểm dịch thực vật Bên nhập khẩu đưa ra. Chứng nhận kiểm dịch thực vật phải được trình bày bằng quốc ngữ của Bên xuất khẩu và tiếng Anh. Các mẫu giấy này phải được các Bên trao đổi cho nhau và thông báo kịp thời cho Bên kia trong trường hợp có sự thay đổi mẫu giấy.

Vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật được nhập khẩu hoặc quá cảnh vào (hoặc qua) lãnh thổ của Bên nhập khẩu trên cơ sở và điều kiện được xác định trong giấy phép kiểm dịch thực vật để nhập khẩu do cơ quan kiểm soát kiểm dịch thực vật của Bên nhập khẩu cấp.

Điều 5

KIỂM TRA VÀ THÔNG BÁO

Trong quá trình nhập khẩu hoặc quá cảnh vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nào đó, các cơ quan chức năng của các Bên có quyền đưa ra điều kiện và yêu cầu bổ sung liên quan đến kiểm dịch thực vật.

Nếu phát hiện thấy các sinh vật thuộc diện kiểm dịch trong quá trình kiểm dịch tại Bên nhập khẩu, các cơ quan chức năng của các Bên có quyền trả lại vật thể thuộc diện kiểm dịch về nước xuất khẩu hoặc tiến hành tẩy trùng, trong trường hợp không thể tẩy trùng – việc tiêu hủy tuân thủ theo pháp luật của bên nhập khẩu. Các cơ quan chức năng của Bên nhập khẩu gửi thông tin bằng văn bản về các biện pháp thực hiện cho các cơ quan chức năng của Bên xuất khẩu.

Chi phí tẩy trùng, trả lại hoặc tiêu hủy vật thể thuộc diện kiểm dịch được tính vào chi phí của bên nhận hàng ở Bên nhập khẩu và sẽ được bên gửi hàng ở Bên xuất khẩu hoàn lại sau.

Các Bên có trách nhiệm thông báo cho Văn phòng Công ước Bảo vệ Thực vật Quốc tế theo quy định thành viên và không cung cấp thông tin cho bên thứ 3, trừ trường hợp được sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.

Điều 6

CƠ QUAN CHỨC NĂNG

Các Bên chỉ định cơ quan chức năng thực hiện Hiệp định này như sau:

Phía Việt Nam là: Cục Bảo vệ Thực vật, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Phía U-dơ-bê-ki-xtan là: Thanh tra Nhà nước về kiểm dịch thực vật, Bộ Nông nghiệp và Tài nguyên nước của nước Cộng hòa U-dơ-bê-ki-xtan.

Điều 7

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Các tranh chấp liên quan đến việc giải thích và áp dụng các điều khoản của Hiệp định này sẽ được giải quyết bằng đàm phán giữa các Bên.

Trong trường hợp cần thiết, các cơ quan chức năng của các Bên sẽ tiến hành tham vấn để giải quyết các vấn đề nảy sinh và cơ cấu thực hiện để thi hành Hiệp định này cũng như cung cấp cho nhau thông tin khoa học và các hỗ trợ khác trong lĩnh vực kiểm dịch thực vật.

Thời gian, địa điểm và chương trình các cuộc họp này được xác định khi có thống nhất của các cơ quan chức năng của các Bên. Phía Bên chủ nhà chịu chi phí tổ chức họp. Từng Bên tự chịu chi phí đi lại và các chi phí khác.

Điều 8

CÁC THỎA THUẬN QUỐC TẾ

Các điều khoản của Hiệp định này không làm ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của các Bên theo các thỏa thuận quốc tế mà các Bên là thành viên.

Điều 9

BỔ SUNG, SỬA ĐỔI

Hiệp định này có thể được bổ sung, sửa đổi trên cơ sở sự đồng ý của các Bên. Nội dung bổ sung, sửa đổi sẽ được ghi nhận trong Nghị định thư. Các Nghị định thư này sẽ là một phần không thể tách rời của Hiệp định. Các Nghị định thư có hiệu lực theo Điều 10 của Hiệp định này.

Danh mục dịch hại, bệnh cây và cỏ dại, buộc phải kiểm dịch ở quốc gia của các Bên được nêu rõ trong Phụ lục 1 và Phụ lục 2 của Hiệp định này. Danh mục các vật thể thuộc diện kiểm dịch có thể bổ sung hoặc sửa đổi trên cơ sở sự đồng ý của các Bên.

Điều 10

HIỆU LỰC, CHẤM DỨT HIỆU LỰC

Hiệp định này có hiệu lực sau ba mươi ngày kể từ ngày nhận được thông báo cuối cùng bằng văn bản, qua đường ngoại giao, về việc các Bên hoàn thành các thủ tục trong nước để Hiệp định có hiệu lực.

Hiệp định này có giá trị trong thời hạn năm (05) năm và sẽ được mặc nhiên gia hạn mỗi lần năm (05) năm, trừ khi 6 tháng trước khi kết thúc thời hạn năm năm, một trong hai Bên thông báo cho Bên kia về ý định chấm dứt Hiệp định.

Hiệp định này chấm dứt hiệu lực sau sáu (06) tháng kể từ ngày một Bên nhận được văn bản thông báo qua đường ngoại giao do Bên kia gửi để thông báo về ý định chấm dứt Hiệp định.

Làm tại, Ta-sơ-ken, ngày 03 tháng 10 năm 2011, thành hai bản chính, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng U-dơ-bê-ki-xtan và tiếng Anh, các văn bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau, văn bản tiếng Anh được dùng làm cơ sở.

Thay mặt Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	**Thay mặt Chính phủ nước Cộng hòa U-dơ-bê-ki-xtan**
CAO ĐỨC PHÁT Bộ trưởng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	ZAFAR SH. RUZIEV Bộ trưởng Nông nghiệp và tài nguyên nước

Phụ lục 1

Thuộc Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa U-dơ-bê-ki-xtan về hợp tác trong lĩnh vực kiểm dịch thực vật

Danh mục côn trùng, bệnh cây và cỏ dại là dịch hại kiểm dịch thực vật ở nước Cộng hòa U-dơ-bê-ki-xtan

Tên bằng tiếng La-tinh

A1. Danh mục dịch hại kiểm dịch thực vật không có trong lãnh thổ nước Cộng hòa U-dơ-bê-ki-xtan

I. CÔN TRÙNG

1. Aceria sheldoni (Ewing)
2. Agrilus mali Mats.
3. Aleurocanthus woglumi Ash.
4. Aleurothrixus floccosus Mask.
5. Aonidiella aurantii Mask.
6. Bruchidius incarnatus Boh.
7. Callosobruchus phaseoli Gyll.
8. Callosobruchus chinensis L.
9. Carposina niponensis Wisg.
10. Caryedon gonagra L.
11. Caulophilus latinasus Say.
12. Ceratitis capitata Wied.
13. Ceratitis rosa Walk.
14. Ceroplastes rusci L.
15. Ceroplastes japonicus Green.
16. Chlonaspis furfure Fitch.
17. Chrysomphalus rossi (Mask)
18. Dacus dorsalis Hend.
19. Diabrotica virgifera virg. Le Conte
20. Diaphorina citri Kuway
21. Dinoderus bifoveolatus Woll.
22. Dysmicoccus wistarial (Green)

23. Hyphantria cunea Drury.
24. Icerya purchasi Mask.
25. Lecanium deltae Lizeri
26. Liriomyza trifolii (Bur)
27. Lopholeucaspis japonica Ckll.
28. Numonia pyrivorella Mats.
29. Nipaeococcus nipae (Mask)
30. Paralispa gularis Zell.
31. Pantomorus leucoloma Boh.
32. Pectinophora gossypiella Saund.
33. Phthorimaea lycopersicella Busck
34. Phthorimaea operculella Zell.
35. Pinnaspis strachani (Cooley)
36. Popillia japonica Newm.
37. Pseudaulacaspis pentagona Targ.
38. Pseudococcus citriculus Green.
39. Pseudococcus gahani Green.
40. Pseudoparlatoria parlatoriides Coms.
41. Rhagoletis pomonella Walsh.
42. Rhizoecus Kondonis Kuw.
43. Scrobipalpopsis solanifera Pav.
44. Sinoxylon conigerum Gerst.
45. Spodoptera eridania (Cramer)
46. Spodoptera frugiperda (J.E.Smith)
47. Spodoptera littoralis Boisd.
48. Spodoptera litura Fabr.
49. Tetradacus citri Chen.
50. Trogoderma angustum Sol.
51. Trogoderma ballfinchae Beal.
52. Trogoderma granarium Ev.
53. Trogoderma grassmani Beal.
54. Trogoderma longisetosum Chao et Lee
55. Trogoderma ornatum Say.
56. Trogoderma simplex Jayne
57. Trogoderma sternale Jayne.
58. Unaspis citri Comst.
59. Unaspis yanonensis Kuw.
60. Viteus vitifoliae (Fitch).
61. Zabrotes subfasciatus Boh.

BỆNH CÂY

II. NẤM

1. Cercospora kikuchii Mats et Tom Gard
2. Diaporthe helianthi Munt
3. Diaporthe phaseolorum Cke et Ell
4. Didymella ligulicola (K.F. Baker, Dimock and L.H. Davis von Arx
5. Drechslera maydis (Nisikado) Subran
6. Glomerella gossypii Edgerton
7. Mycosphaerella linicola Naumov
8. Phialophora cenerescens (Wr) van Bryma
9. Phoma anina Turkensteen
10. Phomopsis viticola Sacc.
11. Phymatotrichopsis omnivora (Duggar) Hennebert
12. Puccinia horiana P.Hennengs
13. Stenocarpella macrospora (Earle) Sutton
14. Synchytrium endobioticum (Schilb) Percival
15. Thecaphora solani (Thirumulachar O, Brien) Mordue
16. Tilletia indica Mitra

III. TUYẾN TRÙNG

1. Golbodera pallida (Stone) Behrens
2. Globodera rostochiensis (Woll) M et St
3. Nacobbus aberrans Thorne et Allen.
4. Radopholus similis (Cobb) Thorne.

IV. VI KHUẨN

1. Erwinia stevartii
2. Erwinia amilovora
3. Pseudomonas caryophili
4. Xanthomonas campestris pv. hyacinthi
5. Xanthomonas campestris pv. citri
6. Xanthomonas campestris pv. oryzicola
7. Xanthomonas campestris pv. oryzae
8. Xanthomonas ampelina
9. Corynebacterium tritici

V. VI RÚT

1. Andean potato virus
2. Barley stripe mosaic virus
3. Chrysanthemum stunt viroid
4. Citrus tristeza virus
5. Grapevine flavescense doree (micoplasma)
6. Peach mosaic rivus (American)

7. Potato vein yellowing virus
8. Potato yellow dwarf virus
9. Rose wilt disease

VI. CỎ DẠI

1. Acanthospermum hispidum D.C.
2. Aeshynomene indica (L.) BSP
3. Aeshynomene virginica (L.)
4. Ambrosia psilostachya D.C.
5. Ambrosia trifida L.
6. Archeuthobium spp.
7. Bidens bipinata L.
8. Cassia occidentalis L.
9. Cassia tora L.
10. Cenchrus pauciflorus (tribuloides) Benth
11. Croton capitatus L.
12. Diodia terres Walt.
13. Emex australis Stein.
14. Emex spinosa L.
15. Euphorbia dentata Minch.
16. Euphorbia marginata Pursh.
17. Helianthus californnicus D.C.
18. Helianthus ciliaris D.C.
19. Helianthus lenticularis Dougl
20. Helianthus scanberrimus Benth.
21. Hydrocotyle ranunculoides
22. Ipomoea hederacea (L.) Yacg.
23. Iva axillaris Pursh.
24. Jacquemontia tamnifolia L.
25. Polygonum pensilvanicum L.
26. Raimania laciniata Hill (Oenotera)
27. Sesbenia exaltata (Raf) Cory
28. Sesbania exaltata (Raf) Cory
29. Sesbania macrocarpa Muhl et rafin
30. Sicyos angulata L.
31. Sida spinosa L.
32. Solanum carolinense L.
33. Solanum elaeagnifolium Cav.
34. Solanum rostratum Dun.
35. Striga (sp.sp)

A2. Danh mục dịch hại có phân bố trong lãnh thổ nước Cộng hòa U-dơ-bê-ki-xtan

I. CÔN TRÙNG

1. Dialeurodescitri Ashm.
2. Grapholitha molesta Busck.
3. Leptinotarsa Decemlineata Say.
4. Phyllocnistis citrella Stain.
5. Pseudococcus comstocki Kuw.
6. Quadraspidiotus perniciosus Coms.

II. CỎ DẠI

1. Acroptilon repens D.C.
2. Ambrosia artemisiifolia L.
3. Cuscuta sp. sp.

Phụ lục 2

Thuộc Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa U-dơ-bê-ki-xtan về hợp tác trong lĩnh vực kiểm dịch thực vật

Danh mục côn trùng, bệnh cây và cỏ dại là dịch hại kiểm dịch thực vật ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Tên bằng tiếng La-tinh

A1. Những sinh vật có tiềm năng gây hại nghiêm trọng cho tài nguyên thực vật và chưa có trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

I. CÔN TRÙNG

1. Anastrepha fraterculus Wiedemann
2. Anastrepha ludens (Loew)
3 Ceratitis capitata (Wiedemann)
4. Bactrocera tryoni (Froggatt)
5. Bactrocera tsuneonis (Miyake)
6. Ceratitis rosa Karsch
7. Pachymerus pallidus Olivier
8. Hyphantria cunea Drury
9. Popillia japonica Newman
10. Caulophilus oryzae (Gyllenhal)
11. Trogoderma granarium Everts
12. Trogoderma inclusum Leconte
13. Anthonomus grandis Boheman
14. Scirtothrips aurantii Faure
15. Leptinotarsa decemlineata Say
16. Sitophilus granarius Linnaeus
17. Prostephanus truncatus (Horn)
18. Zabrotes subfasciatus (Boheman)
19. Diaspidiotus perniciosus (Comstock)
20. Graphognathus leucoloma (Boheman)
21. Tagosodes orizicolus Muir
22. Tagosodes cubanus D. L. Crawford

II. BỆNH CÂY

23. Phoma tracheiphila (Petri) Kantachveli & Gikachvili
24. Phymatotrichopsis omnivora (Duggar) Hennebert
25 Microcyclus ulei (Henn.) Arx
26. Synchytrium endobioticum (Schilb.) Percival
27. Tilletia indica Mitra
28. Pseudomonas garcae Amaral, Teixeira & Pinheiro
29. Rice hoja blanca virus
30. Coffee ringspot virus
31. Verticillium albo-atrum Reinke & Berthold
32. Mycena citricolor (Berk. & Curtis) Sacc.
33. Clavibacter michiganensis subsp. michiganensis (Smith) Davis

III. TUYẾN TRÙNG

34. Ditylenchus destructor Thorne
35. Globodera pallida (Stone) Behrens
36. Globodera rostochiensis (Wollenweber) Behrens
37. Rhadinaphelenchus cocophilus (Cobb) Goodey
38. Bursaphelenchus xylophilus (Steiner & Buhrer) Nickle

IV. CỎ DẠI

39. Striga hermonthica (Del.) Benth.
40. Striga densiflora (Benth.) Benth.
41. Cirsium arvense (L.) Scop.
42. Orobanche crenata Forskal
43. Orobanche cernua Loefl.
44. Orobanche ramosa L.
45. Orobanche aegyptiaca Pers.

A2. Những sinh vật có tiềm năng gây hại nghiêm trọng cho tài nguyên thực vật và có phân bố hẹp trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

I. CÔN TRÙNG

46. Phthorimaea operculella (Zeller)
47. Chaetocnema pulicaria Melsheimer
48. Monochamus alternatus Hope

II. BỆNH CÂY

49. Balansia oryzae - sativae Hashioka
50. Peanut stripe virus
51. Pantoea stewartii (Smith) Mergaert

III. TUYẾN TRÙNG

52. Radopholus similis (Cobb) Thorne
53. Ditylenchus dipsaci (Kuhn) Filipjev

IV. CỎ DẠI

54. Striga angustifolia (Don.) Saldanha
55. Striga asiatica (L.) Kuntze
56. Cuscuta australis R. Br.
57. Cuscuta chinensis Lam.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng